

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày: 08-9-2022
Về việc tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Phẩm.

Ông Dương Văn Hiến.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962; trú tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lý Văn T, sinh năm 1982; trú tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị G, sinh năm 1964; trú tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Do có quan hệ họ hàng và là người cùng thôn nên khi anh Lý Văn T hỏi vay tiền để làm ăn thì ông đã đồng ý. Cụ thể các lần vay tiền như sau:

Lần 1: Ngày 26/6/2018 (âm lịch), anh T vay ông số tiền 22.600.000 đồng,

thỏa thuận lãi suất là 3% /01 tháng, thời hạn vay đến ngày 11/7/2019 (âm lịch).

Lần 2: Chiều cùng ngày 26/6/2018 (âm lịch), anh T vay ông số tiền 80.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3%/01 tháng, thời hạn vay đến ngày 11/7/2019 (âm lịch).

Lần 3: Ngày 30/6/2018 (âm lịch), anh T vay tôi số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3% /01 tháng, không ghi thời hạn trả nợ vào giấy vay mà chỉ thỏa thuận miệng là thời hạn vay đến ngày 11/7/2019 (âm lịch).

Ông xác định cả ba lần vay tiền trên đều lập thành giấy vay tiền, anh T là người viết giấy. Ông đã đưa đủ tiền cho anh T. Việc vay mượn tiền thì chỉ có ông và anh T biết. Vợ anh T là chị Nguyễn Thị Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2010 nên chị Thảo không biết, không liên quan đến việc vay mượn. Hết thời hạn trả nợ, anh T không trả được cho ông bất kỳ khoản tiền nợ gốc và nợ lãi nào. Ông đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu anh T trả tiền nhưng anh T vẫn khất lần không trả. Nay ông có nhu cầu sử dụng số tiền trên nên đề nghị Tòa án buộc anh T phải trả ông số tiền nợ gốc là 85.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 26/6/2018 (âm lịch), Giấy vay tiền ngày 30/6/2018 (âm lịch) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 23-5-2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lý Văn T trình bày:*

Anh và ông Nguyễn Văn H là chỗ bác cháu họ hàng với nhau. Do để phát triển kinh tế, chăn nuôi nên anh đã hỏi vay tiền của ông H, cụ thể

Lần 1: Vào buổi sáng ngày 22-6-2018 (âm lịch), anh có hỏi vay của ông H 22.600.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3% / 01 tháng, hạn trả là ngày 11-7-2019 (âm lịch), mục đích để xây chuồng trại chăn nuôi.

Lần 2: Vào buổi chiều ngày 22-6-2018 (âm lịch), anh vay ông H 80.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3% / 01 tháng, hạn trả là ngày 11-7-2019 (âm lịch). Tuy nhiên số tiền 80.000.000 đồng này đã bao gồm cả tiền lãi, tiền gốc của số tiền 22.600.000 đồng.

Lần 3: Vào ngày 30-6-2018 (âm lịch), anh có vay của ông H 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 3% / 01 tháng, hạn trả là ngày 11-7-2019 (âm lịch), tuy nhiên ngày trả anh không viết vào giấy.

Anh xác định cả ba lần trên anh là người viết giấy vay nợ và có ký nhận ở dưới. Từ khi vay tiền đến nay do làm ăn thua lỗ nên anh chưa có tiền để trả cho ông H. Nay ông H khởi kiện yêu cầu anh phải trả số tiền 107.600.000 đồng và tiền lãi phát sinh thì anh không đồng ý vì anh nhất trí trả nợ nhưng anh xác định khoản nợ gốc chỉ là 85.000.000 đồng. Đề nghị ông H cho anh trả dần với số tiền 5.000.000 đồng / 01 tháng đến khi hết nợ gốc. Vợ anh là Nguyễn Thị Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2010 nên không biết, không liên quan đến khoản nợ này.

** Tại bản tự khai ngày 04-6-2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị G trình bày:*

Ngày 26-6-2018 (âm lịch), anh T vay 22.600.000 đồng, hạn trả là ngày 11-7-2019 (âm lịch), lãi suất 3% / 01 tháng. Cùng ngày anh T vay tiếp số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 3% / 01 tháng, hạn trả là ngày 11-7-2019 (âm lịch). Đồng thời ghi thế chấp 05 sào đất bãi khu bờ sông Chũ, không giao sổ đất. Ngày 30-6-2018, anh T lại vay tiếp 5.000.000 đồng, lãi suất 3% / 01 tháng. Ba lần vay, anh T đều tự viết giấy vay, nhận nợ với ông Nguyễn Văn H là chồng bà. Cho đến nay, anh T chưa trả cả gốc lẫn lãi cho vợ chồng bà. Bà yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả cả tiền gốc và lãi.

** Tại phiên tòa ngày 24-8-2022, bị đơn anh Lý Văn T vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.*

** Tại phiên tòa ngày 08-9-2022:*

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày do quan hệ họ hàng và vợ anh T đang đi lao động ở nước ngoài nên khi anh T hỏi vay tiền thì ông cũng đồng ý cho anh T vay. Thực tế thì anh T vay tiền ông nhiều lần từ năm 2017, nhưng do chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên ngày 26-6-2018 (âm lịch), ông và anh T đã chốt lại số nợ theo các giấy vay tiền đề ngày 26-6-2018 (âm lịch) và hủy các giấy vay tiền năm 2017. Đến ngày 30-6-2018 (âm lịch) thì anh T có vay thêm 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, ông đề nghị Tòa án buộc anh Lý Văn T phải trả ông và bà G tổng số tiền nợ gốc là 85.000.000 đồng theo các Giấy vay tiền ngày 26-6-2018 (âm lịch), Giấy vay tiền ngày 30-6-2018 (âm lịch) và buộc anh Lý Văn T phải trả tiền lãi gồm tiền lãi trong hạn và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Ông không yêu cầu anh T phải trả khoản tiền 22.600.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 26-6-2018 (âm lịch).

- Bị đơn anh Lý Văn T trình bày do nhu cầu cá nhân nên anh có vay tiền của ông H. Tuy nhiên anh xác định chỉ vay của ông H số tiền nợ gốc là 85.000.000 đồng, còn số tiền 22.600.000 đồng trong giấy vay tiền ngày 26-6-2018 (âm lịch) là khoản tiền lãi của các khoản vay từ năm 2017 cộng dồn thành 22.600.000 đồng, do đó anh không chấp nhận trả ông H khoản tiền 22.600.000 đồng. Anh đồng ý trả ông Nguyễn Văn H số tiền 85.000.000 đồng nợ gốc, tuy nhiên do điều kiện kinh tế cũng như sức khỏe, anh đang chữa trị tại Bệnh viện nên anh đề nghị trả nợ cho ông H với mức 5.000.000 đồng / 01 tháng, kể từ tháng 10-2022 đến khi trả hết nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật. Anh không đồng ý chịu án phí vì theo anh người khởi kiện phải chịu án phí.

- Ông Nguyễn Văn H đồng ý với phương án trả nợ như anh T đề nghị nhưng yêu cầu anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu

thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468- Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 246, Điều 271, Điều 273, Điều 280- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn H và anh Lý Văn T. Buộc anh Lý Văn T phải trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị G số tiền nợ gốc là 85.000.000 đồng (*Tám mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh. Kể từ tháng 10-2022, anh Lý Văn T trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị G số tiền 5.000.000 đồng / 01 tháng vào ngày cuối cùng của tháng đến khi anh Lý Văn T trả hết nợ gốc và nợ lãi.

- Về án phí: Bị đơn anh Lý Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H khởi kiện anh Lý Văn T về việc thanh toán khoản tiền vay 85.000.000 đồng theo các Giấy vay tiền ngày 26-6-2018 (âm lịch) và ngày 30-6-2018 (âm lịch). Anh Lý Văn T có nơi cư trú là thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3, Điều 26-Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39-Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị G vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228-Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị G.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Giao dịch dân sự giữa ông Nguyễn Văn H và anh Lý Văn T được xác lập vào ngày 26-6-2018 (âm lịch) tức ngày 07-8-2018 (dương lịch) và ngày 30-6-2018 (âm lịch) tức ngày 11-8-2018 (dương lịch). Đây là

thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành. Do vậy áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Do cần tiền để chi tiêu, làm ăn kinh tế cá nhân nên anh Lý Văn T đã đặt vấn đề vay của ông Nguyễn Văn H với số tiền 80.000.000 đồng và 5.000.000 đồng, lần lượt theo các giấy vay tiền ngày 26-6-2018 (âm lịch) và giấy vay tiền ngày 30-6-2018 (âm lịch). Việc vay mượn tiền giữa các bên là tự nguyện thỏa thuận, khi vay có làm giấy vay tiền. Giấy vay tiền do anh Lý Văn T tự viết, trực tiếp ký, ghi rõ họ tên. Do đó có đủ căn cứ để xác định anh Lý Văn T có vay ông Nguyễn Văn H tổng số tiền 85.000.000 đồng.

[5] Tại các giấy vay tiền đều thể hiện ông Nguyễn Văn H là bên cho vay; anh Lý Văn T là bên vay; tài sản vay là tiền mặt, thỏa thuận lãi suất là 3% / 01 tháng; không thể hiện mục đích vay; có đầy đủ chữ ký của bên vay. Tại giấy vay tiền ngày 26-6-2018 (âm lịch) thể hiện thời hạn trả là ngày 11-7-2019 (âm lịch), nội dung thể hiện việc thế chấp 05 sào đất bãi khu bờ sông Chũ nhưng thực tế các bên không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại giấy vay tiền ngày 30-6-2018 (âm lịch) không thể hiện thời hạn trả nhưng cả ông H và anh T đều thừa nhận thời hạn trả là ngày 11-7-2019 (âm lịch). Do các đương sự đều thừa nhận nên căn cứ Điều 92- Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh và có đủ căn cứ để xác định giữa các bên có thỏa thuận thực hiện hợp đồng vay tài sản, đây là hợp đồng có kỳ hạn, không có tài sản đảm bảo và có tính lãi được quy định tại Điều 463, Điều 468 và Điều 470- Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại thời điểm giao kết chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự. Hình thức của hợp đồng được lập bằng văn bản, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử thấy Giấy vay tiền 26-6-2018 (âm lịch) và giấy vay tiền ngày 30-6-2018 (âm lịch) ký kết giữa ông Nguyễn Văn H và anh Lý Văn T là hợp pháp. Tuy nhiên, mức lãi suất các bên tự thỏa thuận là 3% / 01 tháng (= 36% /01 năm) đã vượt quá quy định về mức lãi suất được quy định tại khoản 1, Điều 468- Bộ luật Dân sự 2015.

[6] Tại phiên tòa, ông H yêu cầu anh T phải trả ông và bà G số tiền nợ gốc là 85.000.000 đồng và tiền lãi gồm tiền lãi trong hạn và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về phương án trả nợ thì ông đồng ý với phương án trả nợ như anh T đề nghị. Bị đơn anh Lý Văn T xác định còn nợ ông Lý Văn T số tiền 85.000.000 đồng nợ gốc. Tuy nhiên, vì điều kiện kinh tế cũng như sức khỏe nên anh đề nghị trả dần cho ông H số tiền nợ gốc và nợ lãi với mức 5.000.000 đồng / 01 tháng, kể từ tháng 10-2022 đến khi trả hết nợ.

[7] Về mức lãi suất: Theo quy định tại khoản 1, Điều 468- Bộ luật Dân sự 2015 thì lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20% / 01 năm của khoản tiền vay. Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 26-6-2018 (âm lịch) và ngày 30-6-2018 (âm lịch) thì hợp đồng vay tiền giữa ông H và anh T là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi, hai bên có thỏa thuận thời hạn vay là đến ngày 11-

7-2019 (âm lịch) tức ngày 11-8-2019 (dương lịch), nên mức lãi suất 3% / 01 tháng như thỏa thuận trong giấy vay tiền là cao hơn mức lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự, nên tiền lãi được tính như sau:

[7.1] Đối với giấy vay tiền ngày 26-6-2018 (âm lịch):

- Theo quy định tại khoản 1, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mức lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/01 năm (tương đương 1,66%/tháng) của khoản tiền vay tính từ ngày 26-6-2018 (âm lịch) tức ngày 07-8-2018 (dương lịch) đến ngày 11-7-2019 (âm lịch) tức ngày 11-8-2019 (dương lịch) là 12 tháng 04 ngày, nên tiền lãi được tính như sau: 80.000.000 đồng x 12 tháng 04 ngày x 1,66% /01 tháng = 15.956.164 đồng.

- Theo quy định tại khoản 2, Điều 357; khoản 2, Điều 468- Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mức lãi suất anh T có nghĩa vụ trả cho ông H do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 12-8-2019 đến ngày 08-9-2022 (là 36 tháng 26 ngày) bằng 10%/01 năm (tức 0,833%/01 tháng) nên tiền lãi được tính như sau: 80.000.000 đồng x 10%/01 năm (0,833%/01 tháng) x 36 tháng 26 ngày = 24.241.096 đồng.

[7.2] Đối với giấy vay tiền ngày 30-6-2018 (âm lịch):

- Theo quy định tại khoản 1, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mức lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/01 năm (tương đương 1,66%/tháng) của khoản tiền vay tính từ ngày 30-6-2018 (âm lịch) tức ngày 11-8-2018 (dương lịch) đến ngày 11-7-2019 (âm lịch) tức ngày 11-8-2019 (dương lịch) là 12 tháng, nên tiền lãi được tính như sau: 5.000.000 đồng x 12 tháng x 1,66% / 01 tháng = 986.301 đồng.

- Theo quy định tại khoản 2, Điều 357; khoản 2, Điều 468- Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mức lãi suất anh T có nghĩa vụ trả cho ông H do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 12-8-2019 đến ngày 08-9-2022 (là 36 tháng 26 ngày) bằng 10%/01 năm (tức 0,833%/ 01 tháng), tiền lãi được tính như sau: 5.000.000 đồng x 10%/01 năm (0,833%/tháng) x 36 tháng 26 ngày = 1.515.069 đồng.

[7.3] Như vậy, tổng số tiền lãi mà anh T phải trả cho ông H là 15.956.164 đồng + 24.241.096 đồng + 986.301 đồng + 1.515.069 đồng = 42.698.630 đồng. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H và anh Lý Văn T đều thống nhất với số tiền lãi này.

[8] Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn anh Lý Văn T nhất trí với phương án trả nợ như anh T đề nghị. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn H và anh Lý Văn T về việc anh Lý Văn T phải trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị G số tiền nợ gốc là 85.000.000 đồng và tiền lãi là 42.698.630 đồng; kể từ tháng 10-2022, hàng tháng anh Lý Văn T có trách nhiệm trả ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị G số tiền 5.000.000 đồng vào ngày cuối cùng của tháng cho đến khi trả hết nợ

gốc và nợ lãi là có căn cứ, đúng pháp luật như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Trong vụ án này chị Nguyễn Thị Th là vợ của anh Lý Văn T, khi anh Lý Văn T vay tiền của ông H thì chị Nguyễn Thị Th đã đi làm ăn xa, không có mặt, không ký vào giấy vay tiền. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bị đơn anh Lý Văn T đều xác nhận đây là khoản nợ riêng của anh Lý Văn T và ông H chỉ đề nghị anh Lý Văn T phải trả tiền cho ông, không yêu cầu chị Nguyễn Thị Th liên đới trả nợ. Căn cứ quy định tại Điều 27, Điều 37, Điều 45- Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để buộc chị Nguyễn Thị Th chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cùng anh Lý Văn T.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H được chấp nhận, nên bị đơn anh Lý Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 26-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470- Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 246, Điều 271, Điều 273- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37, Điều 45- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2, Điều 26- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn H và anh Lý Văn T về việc anh Lý Văn T phải trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị G số tiền nợ gốc là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 42.698.630 đồng (Bốn mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi đồng), tổng cộng là 127.698.630 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi đồng). Kể từ tháng 10-2022, anh Lý Văn T trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị G số tiền 5.000.000 đồng / 01 tháng vào ngày cuối cùng của tháng, đến khi anh Lý Văn T trả hết tiền nợ gốc và nợ lãi cho ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị G.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Anh Lý Văn T phải chịu 6.385.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Ông Nguyễn Văn H, anh Lý Văn T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bà Phan Thị G vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ong Thân Thắng